



www.FencingTime.com

# Men's Foil Final Ranking

MF

Tournament: 西日本フェンシング選手権大会 (2023)  
Date: 2023年2月11日 - 9:00  
FIE Document: FE\_FIE\_0012

Place	Name	Club(s)
1	桐山, 怜士	杉並ジュニアFT
2	馬場, 隆之進	香川Jr.FC
3	坪上, 魁里	Haiku Fencing
4	米山, 颯倭	大垣C
5	北村, 創	京都ソレイユ
6	吉田, 侑莉	岐阜C
7	中澤, 楓大	和歌山Jr.FC
8	太田, 明日人	大阪読売千里C
9	久保, 幸大	滋賀JFC
10	原, 大稀	三重海星FC
11	川口, 穰士	和歌山エスクリムズ
12	恵濃, 煌芽	東郷FC
13	佐藤, 翔英	杉並ジュニアFT
14	藤井, 恒成	大阪読売千里C
15	中村, 羽玖	鳥羽FC
16	瀧川, 碧海	河南町FC
17	高橋, 悠乃	安来FC
18	荒木, 玲生	滋賀JFC
19	國友, 寛太	和歌山エスクリムズ
20	松下, 竜偉	河南町FC
21	西端, 雅	和歌山エスクリムズ
22	中村, 漣太	和歌山エスクリムズ
23T	高鶴, 博渡	鳥羽FC
23T	阿部, 玄基	三重海星FC
25	西端, 燈	和歌山エスクリムズ
26	瀧口, 創介	和歌山Jr.FC

Semi-Finals

Finals

(1) 米山, 颯倭

大垣C

(4) 桐山, 怜士

杉並ジュニアFT

(3) 馬場, 隆之進

香川JR.FC

(2) 坪上, 魁里

HAIKU FENCING

(1) 桐山, 怜士

9 - 6

(2) 馬場, 隆之進

10 - 1

(1) 桐山, 怜士

10 - 8

Fence-off for Third

(4) 米山, 颯倭

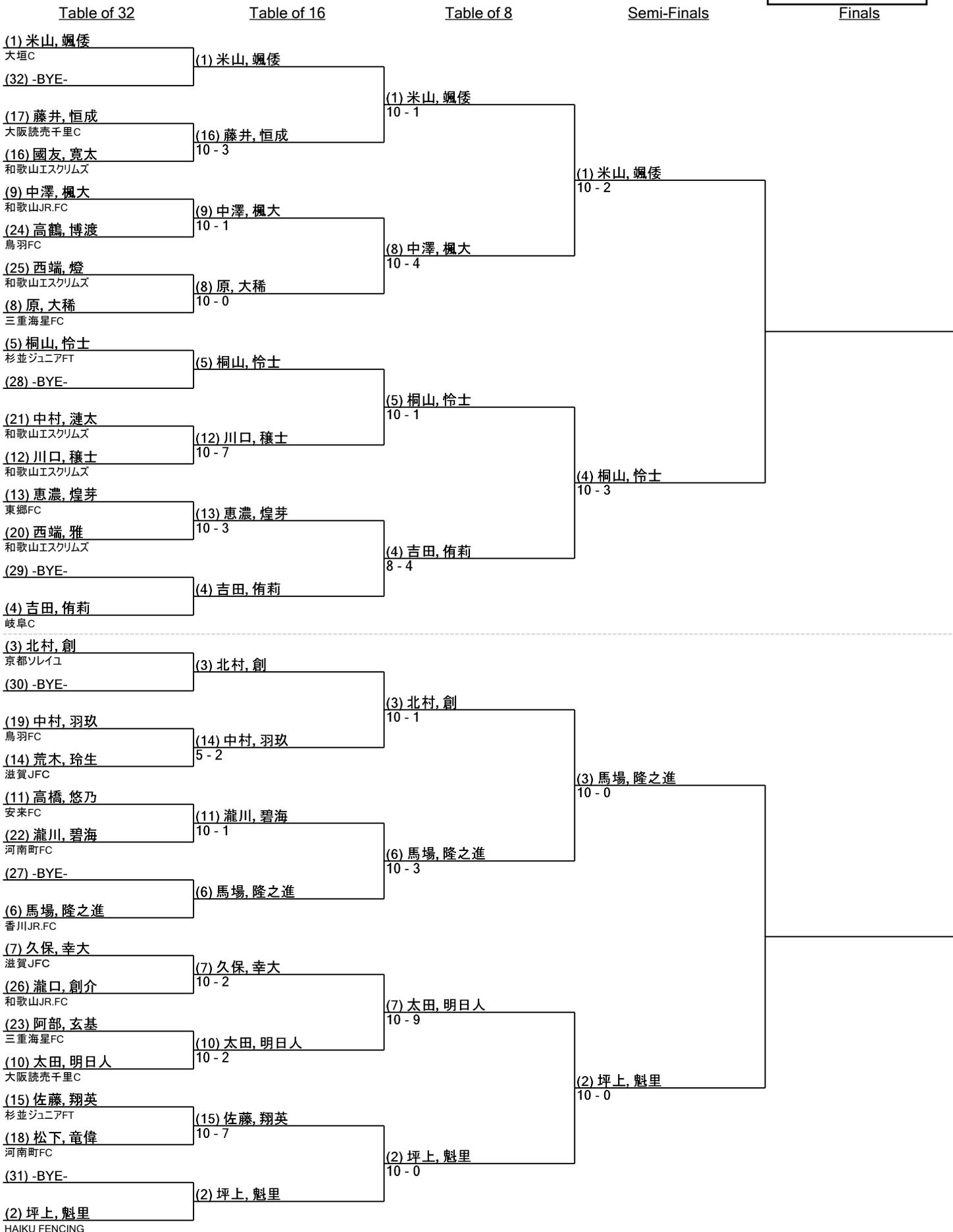
大垣C

(3) 坪上, 魁里

HAIKU FENCING

(3) 坪上, 魁里

10 - 3



Pool # <b>1</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #104

		1	2	3	4	5	V	TS	TR	Ind	PI
中村, 羽玖 鳥羽FC	1		D2	D2	D0	V5	1	9	16	-7	4
松下, 竜偉 河南町FC	2	V5		D2	D1	D4	1	12	17	-5	3
原, 大稀 三重海星FC	3	V5	V5		D0	V5	3	15	13	+2	2
坪上, 魁里 HAIKU FENCING	4	V5	V5	V5		V5	4	20	1	+19	1
中村, 漣太 和歌山エスクリムズ	5	D1	V5	D4	D0		1	10	19	-9	5

Standard bout order (10 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	中村, 羽玖 vs. 松下, 竜偉	D2 - V5	
2	3 vs. 4	原, 大稀 vs. 坪上, 魁里	D0 - V5	
3	5 vs. 1	中村, 漣太 vs. 中村, 羽玖	D1 - V5	
4	2 vs. 3	松下, 竜偉 vs. 原, 大稀	D2 - V5	
5	5 vs. 4	中村, 漣太 vs. 坪上, 魁里	D0 - V5	
6	1 vs. 3	中村, 羽玖 vs. 原, 大稀	D2 - V5	
7	2 vs. 5	松下, 竜偉 vs. 中村, 漣太	D4 - V5	
8	4 vs. 1	坪上, 魁里 vs. 中村, 羽玖	V5 - D0	
9	3 vs. 5	原, 大稀 vs. 中村, 漣太	V5 - D4	
10	4 vs. 2	坪上, 魁里 vs. 松下, 竜偉	V5 - D1	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

西日本フェンシング選手権大会(2023)  
Men's Foil  
Round #1  
2023/02/11

Pool # <b>2</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #105

		1	2	3	4	V	TS	TR	Ind	PI
瀧川, 碧海	1		D3	D3	D0	0	6	13	-7	4
河南町FC										
川口, 穰士	2	V4		V3	D0	2	7	11	-4	2
和歌山エスクリムズ										
荒木, 玲生	3	V4	D3		D2	1	9	11	-2	3
滋賀JFC										
桐山, 怜士	4	V5	V5	V5		3	15	2	+13	1
杉並ジュニアFT										

Standard bout order (6 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 4	瀧川, 碧海 vs. 桐山, 怜士	D0 - V5	
2	2 vs. 3	川口, 穰士 vs. 荒木, 玲生	V3 - D3	
3	1 vs. 3	瀧川, 碧海 vs. 荒木, 玲生	D3 - V4	
4	2 vs. 4	川口, 穰士 vs. 桐山, 怜士	D0 - V5	
5	3 vs. 4	荒木, 玲生 vs. 桐山, 怜士	D2 - V5	
6	1 vs. 2	瀧川, 碧海 vs. 川口, 穰士	D3 - V4	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

Pool # <b>3</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #106

		1	2	3	4	5	V	TS	TR	Ind	PI
米山, 颯倭 大垣C	1		V5	V5	V5	V5	4	20	0	+20	1
久保, 幸大 滋賀JFC	2	D0		V5	V5	V5	3	15	6	+9	2
瀧口, 創介 和歌山J.R.FC	3	D0	D0		D1	D0	0	1	20	-19	5
恵濃, 煌芽 東郷FC	4	D0	D0	V5		V5	2	10	12	-2	3
西端, 雅 和歌山エスクリムズ	5	D0	D1	V5	D1		1	7	15	-8	4

Standard bout order (10 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 2	米山, 颯倭 vs. 久保, 幸大	V5 - D0	
2	3 vs. 4	瀧口, 創介 vs. 恵濃, 煌芽	D1 - V5	
3	5 vs. 1	西端, 雅 vs. 米山, 颯倭	D0 - V5	
4	2 vs. 3	久保, 幸大 vs. 瀧口, 創介	V5 - D0	
5	5 vs. 4	西端, 雅 vs. 恵濃, 煌芽	D1 - V5	
6	1 vs. 3	米山, 颯倭 vs. 瀧口, 創介	V5 - D0	
7	2 vs. 5	久保, 幸大 vs. 西端, 雅	V5 - D1	
8	4 vs. 1	恵濃, 煌芽 vs. 米山, 颯倭	D0 - V5	
9	3 vs. 5	瀧口, 創介 vs. 西端, 雅	D0 - V5	
10	4 vs. 2	恵濃, 煌芽 vs. 久保, 幸大	D0 - V5	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

西日本フェンシング選手権大会(2023)  
Men's Foil  
Round #1  
2023/02/11

Pool # <b>4</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #107

		1	2	3	4	V	TS	TR	Ind	PI
阿部, 玄基 三重海星FC	1		D0	D4	D2	0	6	15	-9	4
馬場, 隆之進 香川JR.FC	2	V5		V5	V5	3	15	4	+11	1
藤井, 恒成 大阪読売千里C	3	V5	D1		D0	1	6	14	-8	3
中澤, 楓大 和歌山JR.FC	4	V5	D3	V5		2	13	7	+6	2

Standard bout order (6 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 4	阿部, 玄基 vs. 中澤, 楓大	D2 - V5	
2	2 vs. 3	馬場, 隆之進 vs. 藤井, 恒成	V5 - D1	
3	1 vs. 3	阿部, 玄基 vs. 藤井, 恒成	D4 - V5	
4	2 vs. 4	馬場, 隆之進 vs. 中澤, 楓大	V5 - D3	
5	3 vs. 4	藤井, 恒成 vs. 中澤, 楓大	D0 - V5	
6	1 vs. 2	阿部, 玄基 vs. 馬場, 隆之進	D0 - V5	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

西日本フェンシング選手権大会 (2023)

Men's Foil  
Round #1  
2023/02/11

Pool # <b>5</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #108

		1	2	3	4	V	TS	TR	Ind	PI
高鶴, 博渡 鳥羽FC	1		D3	D0	D3	0	6	15	-9	4
國友, 寛太 和歌山エスクリムズ	2	V5		D0	D1	1	6	13	-7	3
吉田, 侑莉 岐阜C	3	V5	V5		V5	3	15	1	+14	1
太田, 明日人 大阪読売千里C	4	V5	V5	D1		2	11	9	+2	2

Standard bout order (6 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 4	高鶴, 博渡 vs. 太田, 明日人	D3 - V5	
2	2 vs. 3	國友, 寛太 vs. 吉田, 侑莉	D0 - V5	
3	1 vs. 3	高鶴, 博渡 vs. 吉田, 侑莉	D0 - V5	
4	2 vs. 4	國友, 寛太 vs. 太田, 明日人	D1 - V5	
5	3 vs. 4	吉田, 侑莉 vs. 太田, 明日人	V5 - D1	
6	1 vs. 2	高鶴, 博渡 vs. 國友, 寛太	D3 - V5	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_

Pool # <b>6</b>	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #109

		1	2	3	4	V	TS	TR	Ind	PI
北村, 創	1		V5	V5	V5	3	15	0	+15	1
京都ソレイユ										
西端, 燈	2	D0		D0	D0	0	0	15	-15	4
和歌山エスクリムズ										
佐藤, 翔英	3	D0	V5		D3	1	8	10	-2	3
杉並ジュニアFT										
高橋, 悠乃	4	D0	V5	V5		2	10	8	+2	2
安来FC										

Standard bout order (6 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 4	北村, 創 vs. 高橋, 悠乃	V5 - D0	
2	2 vs. 3	西端, 燈 vs. 佐藤, 翔英	D0 - V5	
3	1 vs. 3	北村, 創 vs. 佐藤, 翔英	V5 - D0	
4	2 vs. 4	西端, 燈 vs. 高橋, 悠乃	D0 - V5	
5	3 vs. 4	佐藤, 翔英 vs. 高橋, 悠乃	D3 - V5	
6	1 vs. 2	北村, 創 vs. 西端, 燈	V5 - D0	

Referee: \_\_\_\_\_ Scorekeeper: \_\_\_\_\_